

## Biểu số 1.4

# DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN GIỮ NGUYÊN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 376/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>1.043.249</b>	<b>727.035</b>	<b>278.637</b>	<b>6.400</b>		<b>278.637</b>	
<b>A</b>	<b>Vốn ngân sách tập trung cấp tỉnh quản lý</b>					<b>1.043.249</b>	<b>727.035</b>	<b>278.637</b>	<b>6.400</b>	-	<b>278.637</b>	
<b>I</b>	<b>Thực hiện đầu tư</b>					<b>1.043.249</b>	<b>727.035</b>	<b>278.637</b>	<b>6.400</b>	-	<b>278.637</b>	
	<b>* Theo lĩnh vực</b>											
1	An ninh Quốc phòng					124.956	69.200	21.500	-	-	21.500	10,47%
2	Công nghệ thông tin					94.662	61.800	20.600	-	-	20.600	7,90%
3	Giao thông					369.465	264.947	123.337	1.900	-	123.337	38,83%
4	Hạ tầng đô thị - công nghiệp, TMDL					219.438	191.838	2.500	-	-	2.500	0,64%
5	Nông nghiệp và PTNT					68.359	40.450	15.900	-	-	15.900	3,93%
6	Quản lý Nhà nước					166.369	98.800	94.800	4.500	-	94.800	38,23%
	<b>* cụ thể như sau:</b>											
<b>1</b>	<b>An ninh Quốc phòng</b>					<b>124.956</b>	<b>69.200</b>	<b>21.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.500</b>	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					124.956	69.200	21.500	-	-	21.500	
a	Dự án nhóm B					108.000	54.000	20.000	-	-	20.000	
1	- Đối ứng 03 đồn biên phòng Cầu Muống, Bình Thạnh, cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà	BCH BĐBP Tỉnh		2018-2020	3124/QĐ-BQP ngày 05/8/2018 của Bộ Quốc phòng	108.000	54.000	20.000			20.000	
b	Dự án nhóm C					16.956	15.200	1.500	-	-	1.500	
1	- Chốt dân quân và công trình chiến đấu	BCHQS tỉnh		2018-2020	2078/QĐ-BTL ngày 22/10/2018 của Bộ tư lệnh quân khu 9; 213/QĐ-UBND.HC ngày 01/10/2018 của UBND Tỉnh	16.956	15.200	1.500			1.500	
2	Công nghệ thông tin					94.662	61.800	20.600	-	-	20.600	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					94.662	61.800	20.600	-	-	20.600	
a	Dự án nhóm C					48.254	42.800	15.100	-	-	15.100	
1	- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành y tế tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế		2019-2020	1337/QĐ-UBND-HC ngày 31/10/2018 của UBND Tỉnh	29.582	26.000	13.000			13.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	- Tăng cường năng lực kiểm định cho Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Đồng Tháp (nay là Trung tâm giám định chất lượng xây dựng).	TT Giám định chất lượng xây dựng		2016-2020	Số 351/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2016; 827/QĐ-UBND.HC ngày 24/7/2017; 717/QĐ-UBND.HC ngày 17/7/2019; 30/QĐ-UBND.HC ngày 13/01/2020 của UBND Tỉnh	18.672	16.800	2.100			2.100	
a	Dự án nhóm B					46.408	19.000	5.500	-	-	5.500	
1	- Xây dựng hệ thống thông tin chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp	Sở TTTT		2017-2020	1312/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	46.408	19.000	5.500			5.500	
3	Giao thông					369.465	264.947	123.337	1.900	-	123.337	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					261.259	199.047	74.437	-	-	74.437	
a	Dự án nhóm B					261.259	199.047	74.437	-	-	74.437	
1	- Đường ĐT 846 đoạn từ Tân Nghĩa đến Quốc lộ 30	Sở GTVT	cấp IV ĐB	2017-2021	1300/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	178.786	169.047	44.437			44.437	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	- Mở rộng đường Phạm Hữu Lầu đoạn từ cầu Cái Tôm đến cống Tân Việt Hòa, TPCL	UBND TPCL	Chiều dài 1.760m	2019-2020	1331a/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	82.473	30.000	30.000			30.000	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					108.206	65.900	48.900	1.900	-	48.900	
a	Dự án nhóm C					108.206	65.900	48.900	1.900	-	48.900	
1	- Đường kết nối vào nhà máy tái chế bùn thải khu bãi rác Đập Đá, huyện Cao Lãnh	UBND HCL		2019-2020	512/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND huyện	3.243	2.900	2.900	1.900		2.900	
2	-Tuyến đường nối vào cầu và đèn bù, giải phóng mặt bằng cầu Nguyễn Huệ (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HCT		2019-2020	1908/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	22.566	20.000	20.000			20.000	
3	- Nâng cấp cải tạo đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm An Bình, huyện Cao Lãnh (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho huyện)	UBND HCL		2018-2020	542/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện	9.025	7.000	7.000			7.000	
4	- Ba tuyến đường xung quanh trường THCS Nguyễn Chí Thanh, thành phố Cao Lãnh (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho thành phố)	UBND TPCL		2019-2020	639/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND TPCL	14.870	8.000	8.000			8.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	- Đường kết nối ĐT853 (Đồng Tháp) – ĐT908 (Vĩnh Long) (NS tính hỗ trợ mục tiêu cho huyện)	UBND HCT		2019-2020	1907/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	58.502	28.000	11.000			11.000	
4	Hạ tầng đô thị - công nghiệp, TMDL					219.438	191.838	2.500	-	-	2.500	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					219.438	191.838	2.500	-	-	2.500	
a	Dự án nhóm B					219.438	191.838	2.500	-	-	2.500	
1	- Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp	BQL Khu kinh tế ĐT		2013-2019	Số 1075/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2013; 244a/QĐ-UBND.HC ngày 13/03/2018; 1512/QĐ-UBND.HC ngày 07/12/2018 của UBND Tỉnh	159.438	159.438	1.000			1.000	
2	- Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	VQG Tràm Chim		2016-2020	1225/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	60.000	32.400	1.500			1.500	
6	Nông nghiệp và PTNT					68.359	40.450	15.900	-	-	15.900	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					60.834	33.750	9.200	-	-	9.200	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	- Bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia Tràm Chim (GĐ 2016-2020) - Khu RAMSAR	VQG Tràm Chim		2016-2020	1212/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	60.834	33.750	9.200			9.200	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2020					7.525	6.700	6.700	-	-	6.700	
a	Dự án nhóm C					7.525	6.700	6.700	-	-	6.700	
1	- Dự án Trại thực nghiệm trực thuộc Trung tâm bảo tồn và phát triển sinh vật (nay là Trại bảo tồn sinh và phát triển sinh vật) Vườn Quốc gia Tràm Chim	VQG Tràm Chim		2017-2021	Số 1220/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 và số 457/QĐ-UBND.HC ngày 13/4/2020 của UBND Tỉnh	7.525	6.700	6.700			6.700	
7	Quản lý Nhà nước					166.369	98.800	94.800	4.500	-	94.800	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					161.018	93.500	89.500	4.500	-	89.500	
a	Dự án nhóm B					152.025	85.000	85.000	4.500	-	85.000	
3	- Xây dựng Trụ sở UBND cấp xã tỉnh Đồng Tháp (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND cấp huyện	36 trụ sở	2019-2020	34/UBND-ĐT XD ngày 22/01/2019 và số 154/UBND-ĐT XD ngày 16/4/2019 của UBND Tỉnh	152.025	85.000	85.000	4.500	-	85.000	
	* Phân bổ chi tiết như sau:					152.025	85.000	85.000	4.500	-	85.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.1	Hỗ trợ có mục tiêu cho thị xã Hồng Ngự thực hiện đầu tư					6.606	5.000	5.000	2.000	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã An Bình B (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND TX HN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	327/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của thị xã Hồng Ngự	6.606	5.000	5.000	2.000		5.000	
3.2	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tân Hồng thực hiện đầu tư					8.879	5.000	5.000	-	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Thành A (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTH	CT dân dụng cấp III	2019-2020	310/QĐ-UBND.XDCB ngày 04/9/2019 của UBND huyện	8.879	5.000	5.000			5.000	
3.3	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tam Nông thực hiện đầu tư					6.306	5.000	5.000	2.500	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Công Sính (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND HTN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	1483/QĐ-UBND-HC ngày 01/10/2019 của UBND huyện	6.306	5.000	5.000	2.500		5.000	
3.4	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Thanh Bình thực hiện đầu tư					23.335	15.000	15.000	-	-	15.000	
	- Trụ sở UBND xã Phú Lợi (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTB	CT dân dụng cấp III	2019-2020	271/QĐ-UBND.HC ngày 09/10/2019 của UBND huyện	6.813	5.000	5.000			5.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Trụ sở UBND xã Tân Quới (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTB	CT dân dụng cấp III	2019-2020	273/QĐ-UBND.HC ngày 09/10/2019 của UBND huyện	6.813	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Phú (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTB	CT dân dụng cấp III	2018-2020	261/QĐ-UBND.HC ngày 25/9/2019 của UBND huyện	9.709	5.000	5.000			5.000	
3.5	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh thực hiện đầu tư					32.060	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ Long (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND HCL	CT dân dụng cấp III	2019-2020	Số 203/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND huyện (Đ/c)	15.686	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Bình Hàng Tây (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND HCL	CT dân dụng cấp III	2019-2020	Số 176/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND huyện (Đ/c)	16.374	5.000	5.000			5.000	
3.6	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lấp Vò thực hiện đầu tư					13.692	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ An Hưng B (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lấp Vò	CT dân dụng cấp III	2019-2020	655/QĐ-UBND.HC ngày 04/9/2019 của UBND huyện	6.853	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ An Hưng A (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lấp Vò	CT dân dụng cấp III	2019-2021	745/QĐ-UBND.HC ngày 02/10/2019 của UBND huyện	6.839	5.000	5.000			5.000	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.7	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lai Vung thực hiện đầu tư					16.753	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Long Hậu (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lai Vung	CT dân dụng cấp III	2019-2020	327/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	6.813	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Phong Hòa (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lai Vung	CT dân dụng cấp III	2019-2021	326/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	9.940	5.000	5.000			5.000	
3.8	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Châu Thành thực hiện đầu tư					17.081	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Phú Trung (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HCT	CT dân dụng cấp III	2019-2021	1897/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	8.713	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Hòa Tân (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HCT	CT dân dụng cấp III	2019-2021	1896/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	8.368	5.000	5.000			5.000	
3.9	Hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố Cao Lãnh thực hiện đầu tư					13.905	5.000	5.000	-	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ Ngãi (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND TP Cao Lãnh	CT dân dụng cấp III	2019-2020	557/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố	13.905	5.000	5.000			5.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.10	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự thực hiện đầu tư					13.408	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Long Khánh A (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HHN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	2996/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND huyện	6.526	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Long Khánh B (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HHN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	2997/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND huyện	6.882	5.000	5.000			5.000	
b	Dự án nhóm C					8.993	8.500	4.500	-	-	4.500	
3	- Trụ sở làm việc Khối vận huyện Cao Lãnh (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HCL		2018-2020	550/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 655/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND huyện	8.993	8.500	4.500			4.500	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					5.351	5.300	5.300	-	-	5.300	
a	Dự án nhóm C					5.351	5.300	5.300	-	-	5.300	
1	- Dự án Cải tạo, bảo trì Khối A nhà ở công vụ Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh	Sở XD		2020	Số 419/QĐ-UBND.HC ngày 09/4/2020 của UBND Tỉnh	5.351	5.300	5.300			5.300	
						-	-	-				

Ghi chú

(\*): Giao Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan phân khai chi tiết, trình UBND Tỉnh quyết định.

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

(\*\*): Giao Sở Tài chính tham mưu UBND Tỉnh phân khai chi tiết